TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI TỈNH BẾN TRE	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2024.
Về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Phong.

Ông Võ Minh Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Nguyễn Minh Thuận – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2024/QĐXXST -HN ngày 10 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2024/QĐST-HN ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị P, sinh năm 1995. (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:* Anh H, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2023 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn trình bày:

Chị và anh H cưới nhau vào năm 2020, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thừa Đức, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống có hạnh phúc, đến tháng 01/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Anh H, sinh ngày 19/08/2017 và Ch, sinh ngày 13/01/2021. Chị Duy yêu cầu được nuôi cháu Hân và cháu Châu, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Vụ kiện đã được Tòa án mở phiên hoà giải nhưng không hoà giải được do anh H không đến. Do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.*

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm*:

- Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các bên đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 BLTTDS. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, thành viên HĐXX và Thư ký phiên tòa thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử và trình tự thủ tục phiên tòa diện ra đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng của phía nguyên đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị P và anh H kết hôn vào năm 2020, được Ủy ban nhân dân xã Thừa Đức, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 15/9/2020 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị Duy và anh H thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm. Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành mời anh H để hòa giải nhằm cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh H không đến dự. Điều đó cho thấy anh H không còn thiết tha đối với mối quan hệ hôn nhân với chị Duy, chứng tỏ hôn nhân giữa chị Duy và anh H đã lâm vào tình

trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất để trả tự do cho cả hai. Vì vậy, chị Duy yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Anh H, sinh ngày 19/08/2017 và Ch, sinh ngày 13/01/2021. Hội đồng xét xử xét thấy: để đảm bảo được quyền và lợi ích của con chung, cần giao con cho chị Duy tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Duy tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Duy khai tự thỏa thuận nên không xét đến.

[5] Về nợ chung: Chị Duy khai không có nên không xét đến.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227, 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị P được ly hôn với anh H. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 55 ngày 15/9/2020 của UBND xã Thừa Đức, huyện Bình Đại chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Anh H, sinh ngày 19/08/2017 và Ch, sinh ngày 13/01/2021. Chị P được quyền nuôi con chung và anh H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị P phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Duy đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003300 ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA huyện Bình Đại;
- UBND xã Thừa Đức;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng